

Kim

訓かね、かな

音・キン、コン

キン、コン

かね

お金

Tiền

きん よう び

金曜日

Thứ Sáu

ちょ きん

貯金します

Tiết kiệm tiền

きん がく

金額

Khoản tiền

げん きん

現金

Tiền mặt





ぎん こう **銀行** 

Ngân hàng





---









## Hành





行きます

Đi

おこな

## 行います

Tiến hành, tổ chức

